

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ
*V/v mua sắm Thực phẩm chức năng, Mỹ phẩm,
Vật tư y tế - Hóa chất phục vụ nhu cầu điều trị*

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định) có nhu cầu mua sắm Thực phẩm chức năng, Mỹ phẩm, Vật tư y tế – Hóa chất năm 2025-2026.

Bệnh viện Bình Định trân trọng thông báo các công ty cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện tham gia chào giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Công ty nộp đầy đủ hồ sơ bản giấy có đóng dấu và File mềm qua email (mẫu theo Phụ lục 02 đính kèm) theo thông tin dưới đây:

Khoa Dược (Phòng hành chính – Tầng 1) – Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định).

SĐT: 0256 222 0109

Địa chỉ: 39A Phạm Ngọc Thạch, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Email: hd@benhvienbinhdinh.com.vn; hoadonduong@benhvienbinhdinh.com.vn

II. Nội dung yêu cầu chào giá:

1. Danh mục sản phẩm có nhu cầu mua sắm theo Phụ lục 1
2. Nội dung yêu cầu: Bảng chào giá theo mẫu Phụ lục 2

III. Thời hạn tiếp nhận Bảng chào giá:

Từ ngày ra thông báo đến trước 17 giờ 00 phút ngày 20/08/2025.

(Các Bảng chào giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Nhận NT;
- Lưu: VT, KD

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN AN SƠN

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm theo Thông báo số 443A ngày 11/ 8/2025 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định)

STT	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	ĐVT	Đường dùng	Số lượng
1	Dầu cá cô đặc Omega-3 triglycerides (Tương đương Docosahexaenoic acid (DHA) 96mg; Tương đương Eicosapentaenoic acid (EPA) 144mg) Cao khô cà cây rau đắng biển (Bacopa monnieri) Heavy magnesium oxide (Tương đương Magie 75mg) Calcium carbonate (Tương đương Calcium 50mg) Acid folic (Vitamin B9)	400mg 90mg 124,37mg 125mg 100mcg	Viên	Uống	80.000
2	Phosphatidylcholine (PC) (Từ Lecithin 500mg) Quả Schisandra chinensis chiết xuất t.đ lượng khô Lá Cynara scolymus (Globe artichoke) chiết xuất t.đ lượng tươi Taurine d-alpha Tocopherol (t.đ Vitamin E 10IU) Pyridoxine hydrochloride (t.đ Pyridoxine (Vitamin B6)) Axit folic (Vitamin B9) Cyanocobalamin (vitamin B12) Selenomethionine (t.đ Selenium 30mcg) Colecalciferol (t.đ Vitamin D3 200IU)	175mg 100 mg 1.250mg 50mg 6,71mg 2,43mg 100mcg 10mcg 75mcg 5mcg	Viên	Uống	25.000
3	Hydroxyapatite (Microcrystalline) T.đ Canxi T.đ Phospho Canxi hydrogen phosphate anhydrous T.đ Canxi T.đ Phospho Tổng số canxi Menaquinone-7 (Vitamin K2) Colecalciferol (Vitamin D3-200IU)	250mg 60mg 27,5mg 475mg 140mg 108mg 200mg 10mcg 5mcg	Viên	Uống	80.000
4	Bột tảo đỏ Tương đương canxi Bột vỏ sò Tương đương canxi Canxi citrate Tương đương canxi Magie (Magie oxide) Vitamin D3 (Vitamin D3 100000 UI/g (cholecalciferol) Vitamin K2 (MK-7)	196mg 58.80mg 193mg 73.34mg 80mg 16.80mg 44mg 2.5mcg 2mcg	Viên	Uống	50.000

STT	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	ĐVT	Đường dùng	Số lượng
5	Macrogol 3350, Hương vị, Sucralose.	5.07g	Gói	Uống	1.200
6	Vitamin D3 (Cholecalciferol) 24mcg (960IU) Vitamin K2 (Menaquinone 7) 12,5mcg Phụ liệu: chất chống oxy hoá (-α-tocopherol-E307), chất độn (Medium chain triglycerid, Dầu olive), chất nhũ hóa (Microcrystalline cellulose (E460i)).	24mcg 12,5mcg	Chai	Uống	1.000
7	Lysin hydroclorid (tương đương 75mg Lysin) 93,75 mg Kẽm gluconat (tương đương kẽm 5 mg) 34,843 mg Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 0,1% 1,25 mg (tương đương 1,25mcg Vitamin B12 (Cyanocobalamin)) Vitamin B6 (Pyridoxine Hydroclorid) 0,611 mg (tương đương 0,5mg Vitamin B6 (Pyridoxine)) Vitamin B2 (Riboflavin) 0,5 mg Vitamin B1 (Thiamine Mononitrat) 0,058 mg (tương đương 0,05mg Vitamin B1 (Thiamine)) Phụ liệu: Chất tạo ngọt tổng hợp (siro maltose dextrose fructose (glucomix A)), hương liệu tổng hợp (bột vanilla aroma), chất làm đặc (xanthan gum 80 mesh), chất điều chỉnh độ axit (axit citric khan), chất bảo quản (natri benzoat, kali sorbat dạng hạt), nước	93,75 mg 34,843 mg 1,25 mg 0,611 mg 0,5 mg 0,058 mg	Chai	Uống	1.000
8	Canxi photphat dạng vi mô (được phủ lecithin đậu nành) 85,68mg (trong đó: Canxi 30mg) Lysine HCl 62,5mg (trong đó: Lysine 50mg) Taurine 20mg Beta-glucan 75% từ nấm men 20mg (trong đó: Beta-glucan 15mg) Kẽm gluconate 13,46mg (trong đó: Kẽm 1,75mg) Vitamin C (L-ascorbic acid) 10mg (trong đó: Vitamin C (L-ascorbic acid) 10mg) FOS (Fructo-Oligosaccharides) 93% 8,075mg (trong đó: FOS 7,5mg) Vitamin B1 (dưới dạng Thiamin hydrochloride) 0,4375mg (trong đó: Vitamin B1 (Thiamin) 0,425mg) Vitamin B6 (dưới dạng pyridoxine hydrochloride) 0,3625mg (trong đó: Vitamin B6 (pyridoxine) 0,3mg) Vitamin B2 (riboflavin) 0,3mg (trong đó: Vitamin B2 (riboflavin) 0,3mg) Vitamin D3 (cholecalciferol) std 100.000 IU/g 0,25mg (trong đó: Vitamin D3 (cholecalciferol) 0,625mcg (25IU)) Vitamin B12 (cyanocobalamin) 0,3125mcg (trong đó: Vitamin B12 (cyanocobalamin) 0,3125mcg)	85,68mg 62,5mg 20mg 20mg 13,46mg 10mg 8,075mg 0,4375mg 0,3625mg 0,3mg 0,25mg 0,3125mcg	Chai	Uống	1.000

STT	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	ĐVT	Đường dùng	Số lượng
9	Beta-glucan 1,3/1,6 từ men (tương đương với 50mg Beta-glucan): 66,667mg Vitamin C (Acid Ascorbic): 20mg Kẽm Gluconate (tương đương với 2,5mg Kẽm): 17,422mg	66,667mg 20mg 17,422mg	Chai	Uống	1.000
10	Sắt pyrophosphat vi mô được phủ tinh bột và lecithin (Lipofer): 70,51mg (trong đó chứa 5mg Sắt)	70,51mg	Chai	Uống	1.000
11	Liposomal sắt (Lipofer) (chứa 8,5% Sắt tương đương 7,59mg sắt) 89,3mg Lysine (Lysine HCl) 20mg Kẽm bisglycinate (30% kẽm) (tương đương 2,5mg kẽm) 8,35mg Vitamin B3 (Nicotinamide) 4mg Thiamin (78,68% Vitamin B1) (tương đương 2,05mg Vitamin B1) 2.6mg Pyridoxine HCl (82,5% Vitamin B6) (tương đương 0,175mg Vitamin B6) 0,2125mg Canxi pantothenate (91,6% Vitamin B5) (tương đương 1,12mg Vitamin B5) 1,225mg Mangan gluconate (12,3% Mangan) (tương đương 0,13 Mangan) 1,025mg	89,3mg 20mg 8,35mg 4mg 2.6mg 0,2125mg 1,225mg 1,025mg	Chai	Uống	1.000
12	Canxi photphat dạng vi mô được phủ lecithin đậu nành (Lipocal) (trong đó: Canxi 75mg): 223mg 100IU, tương đương 2,5mcg) Vitamin K2 0,2% (Menaquinon) (trong đó: Vitamin K2 6mcg): 3mg Vitamin D3 (cholecalciferon) std 100.000 IU/g: 1mg ; (trong đó: Vitamin D3 100IU, tương đương 2,5mcg)	223mg 3mg 1mg	Chai	Uống	1.000
13	Dầu cá (10% EPA 50%DHA TG) 450mg (45mg EPA, 225 mg DHA) Canxi hydrogen phosphate anhydrous (29.5% Ca) 169,492mg (50mg Ca) Sắt (II) Sulfate 1 hydrate (32.08% Sắt) 73,171mg (24mg Sắt) Vitamin C (Acid ascorbic) (50mg Vitamin C) 50mg Magie oxyd heavy (60% magie) 50mg (30 mg Mg) Kẽm Oxyd (78% Kẽm) 10,256mg (8mg kẽm) DL- alpha –tocopheryl acetate (Vitamin E 67%) 10mg (Vitamin E 6,7mg) Vitamin B12 (Cianocobalamine 0.1 % Maltodextrin) 10mg (10mcg Vitamin B12) Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochlorid) (5mg Vitamin B6) 6,105mg Vitamin B1 (Thiamone Mononitrate) (5mg Vitamin B1) 5,794mg Vitamin B2 (Riboflavin) (5mg Vitamin B2) 5mg Vitamin B3 (Nicotinamide) (5mg Vitamin B3) 5mg Betacarotene 30% chứa trong dầu hướng dương (1mg Betacaroten) 3,333mg	450mg 169,492mg 73,171mg 50mg 50mg 10,256 mg 10mg 10mg 6,105mg 5,794mg 5mg 5mg	Viên	Uống	10.000

STT	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	ĐVT	Đường dùng	Số lượng
14	Dầu cá (10% EPA 50%DHA TG) 450mg (45mg EPA, 225 mg DHA) Canxi hydrogen phosphate anhydrous (29.5% Ca) 169,492mg (50mg Ca) Sắt (II) Sulfate 1 hydrate (32.08% Sắt) 73,171mg (24mg Sắt) Vitamin C (Acid ascorbic) (50mg Vitamin C) 50mg Magie oxyd heavy (60% magie) 50mg (30 mg Mg) Kẽm Oxyd (78% Kẽm) 10,256 (8mg kẽm) DL- alpha –tocopheryl acetate (Vitamin E 67%) 10mg (Vitamin E 6,7mg) Vitamin B12 (Cianocobalamine 0.1 % Maltodextrin) 10mg (10mcg Vitamin B12) Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochlorid) (5mg Vitamin B6) 6,105mg Vitamin B1 (Thiamone Mononitrate) (5mg Vitamin B1) 5,794mg Vitamin B2 (Riboflavin) (5mg Vitamin B2) 5mg Vitamin B3 (Nicotinamide) (5mg Vitamin B3) 5mg Betacarotene 30% chứa trong dầu hướng dương (1mg Betacaroten) 3,333mg Vitamin B9 (Acid Folic) (500mcg Vitamin B9) 0,549mg Kali iod (76,4% I) 0,262mg (200µg I) Vitamin D3 (1.000.000 IU dầu vitamin D3/g) (5 µg Vitamin D3) 0,2mg	450mg 169,492mg 73,171mg 50mg 50mg 10,256mg 10mg 10mg 6,105mg 5,794mg 5mg 5mg 3,333mg 0,549mg 0,262mg 0,2mg	Viên	Uống	10.000
15	Sắt pyrophosphate vi nang phủ tinh bột ngô và lecithin hướng dương: 334,14 mg, trong đó: Sắt 8,4% tương đương 28,06 mg Sắt, Vitamin C (Acid ascorbic 50,260 mg - Vitamin C 99,5% tương đương 50 mg Vitamin C) Vitamin B12 (Cyanocobalamin 1,05 mcg - Vitamin B12 98,25% tương đương 1 mcg Cyanocobalamin). Phụ liệu: Chất độn: Maltodextrin, Chất chống đông vón: Silicon dioxide, Chất chống đông vón: Magnesium stearate, vỏ nang gelatin đỏ.	334,1mg 50,260mg 1,05 mcg	Viên	Uống	10.000
16	Nước biển sâu ưu trương, 1.7%. Các nguyên tố vi lượng Cu2+, Zn2+		Chai	Dùng ngoài	500
17	Nước biển sâu ưu trương, 2.4%. Các nguyên tố vi lượng Cu2+, Zn2+		Chai	Dùng ngoài	500
18	Chiết xuất keo ong, dầu lý chua đen, tinh dầu lưu ly, tinh dầu hạnh nhân, tinh dầu cây tùng, tinh dầu hoa phong lữ, tinh dầu đinh hương, tinh dầu trầm, Bisabolol (chiết xuất hoa cúc), vitamin E		Lọ	Nhỏ tai	600
19	Carboxymethyl beta-glucan, chiết xuất Hedge, Anethole, tinh dầu cỏ xạ hương trắng, tinh dầu cam hữu cơ		Lọ	Hít/Dạng hít	600
20	Probiotic (Lactobacillus casei và Lactobacillus acidophilus), Prebiotic (Alpha Glucan Oligosaccharide & chiết xuất từ củ Yacon), và Axít Lactic, Betain tự nhiên và Pro Vitamin B5 (D-Panthenol).		Lọ	Dùng ngoài	1.000

STT	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	ĐVT	Đường dùng	Số lượng
21	Aqua, Sodium lauryl sulfate, Cocamidopropyl betaine, Glycerin, Sodium Chloride, Glyceryl oleate, Maltodextrin, Lactobacillus, Methylchloroisothiazolinone, Lactic Acid, Panthenol, Parfum, Disodium EDTA, anhydrous, Styrene/Acrylates Copolymer, Coco-Glucoside, Polymnia Sonchifolia Root Juice, Undecylenamidopropyltrimonium Methosulfate, Iodopropynyl butylcarbamate, DMDM Hydantoin, Alpha-Glucan Oligosaccharide, Methylisothiazolinone.		Lọ	Dùng ngoài	1.000
22	Hyaluronic acid niosomes β-glucan niosomes Centella asiatica phytosome (chiết xuất rau má) Coriolus Versicolor (nấm vân chi) Chiết xuất từ cây neem BioEcolia-alpha-oligoglucan Aloevera	0,2% 0,1% 0,1% 0,1% 0,1% 0,1% 0,1%	Tuýp	Gel, Đặt âm đạo	500
Tổng : 22 khoản					



DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ - HÓA CHẤT

(Đính kèm theo Thông báo số 443/F ngày 11/8/2025 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định)

STT	Tên VTYT - HC	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Gói chăm sóc sản phụ sinh thường và bé (Bộ đón bé chào đời)	1. Áo, tã, nón, bao tay, bao chân, quần: 1 bộ 2. Khăn lông quần bé (60x100cm), thêu tên bệnh viện: 1 cái 3. Khăn mềm lau bé (45x75cm): 1 cái 4. Khăn sữa (25x25cm): 2 cái 5. Tã lót sản (60x120cm): 3 cái 6. Túi đo máu sau sinh: 1 cái 7. Kẹp rốn: 1 cái 8. Vòng tay mẹ và bé: 2 cái 9. Tã mẹ caryn: 3 cái *Tiệt trùng bằng khí EO, ISO 11135. Hàm lượng kim loại nặng (DIN EN 16711-2 (2016) & DIN EN ISO 17294-2 (2024), sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch GMP Cấp độ D.	Bộ	800
2	Gói chăm sóc sản phụ sinh mổ và bé (Bộ đón bé chào đời)	1. Áo, tã, nón, bao tay, bao chân, quần: 1 bộ 2. Khăn lông quần bé (60x100cm), thêu tên bệnh viện: 1 cái 3. Khăn mềm lau bé (45x75cm): 1 cái 4. Khăn vệ sinh bụng (25x25cm): 2 cái 5. Tã lót sản (60x120cm): 2 cái 6. Kẹp rốn: 1 cái 7. Tã mẹ caryn: 2 cái 8. Vòng tay mẹ và bé: 2 cái 9. Áo kangaroo size 42: 1 bộ * Tiệt trùng bằng khí EO, ISO 11135. Hàm lượng kim loại nặng (DIN EN 16711-2 (2016) & DIN EN ISO 17294-2 (2024), sản phẩm được sản xuất trong phòng sạch GMP Cấp độ D.	Bộ	4.800
3	Gói xỏ lỗ tai	Thành phần: + 2 Tã bông. + 2 kim xỏ lỗ tai. + Chỉ may. Tiệt trùng	Bộ	1.200
4	Tube 5 ml đáy tròn	Tube 5 ±0,5ml tiệt trùng Đáy tròn	Cái	600
5	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, cản quang tiệt trùng	* Kích thước: 30cm x 40cm, 6 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng, có quai, có cản quang.	Cái	60.000

STT	Tên VTYT - HC	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
6	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, tiệt trùng	* Kích thước: 10cm x 10cm, 8 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng.	Cái	600.000
7	Tube 15 ml đáy nhọn	Tube 15ml, đáy nhọn, có nắp, tiệt trùng	Cái	300
8	Syringe 1ml BD	Tiệt trùng từng cái, 1ml ± 0,01ml loại 27G (có kim)	Cái	200
9	Pipette 1ml	Là loại Bơm tiêm 3 nắp được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc Thể tích: 1ml Chia vạch: 0.01 ml Kích thước: 0,45 mm x 13 mm Chất liệu: Được làm bằng Polystyrene, không chứa Latex Đầu bơm Luer-Lock: công nghệ Luer-Lock giúp đầu tiêm được khóa chặt vào ống bơm không bị rò rỉ dung dịch Dễ sử dụng: dễ dàng tháo lắp đầu tiêm, thông số ống bơm được thể hiện rõ ràng Đóng gói: 100 cái/hộp	Cây	100
10	Pipette Pasteur tiệt trùng	Mục đích sử dụng: Dùng để hút mẫu Đặc điểm: - Chất liệu: Thủy tinh sodalime, độ bền cao giảm nguy cơ vỡ khi sử dụng với quả bóp PVC. - Chiều dài: 150mm - Đường kính ngoài thân: 6,5mm. Độ dày: 0,5mm - Đường kính ngoài đầu tip: 1,2mm. Đường kính trong đầu tip: 0,7mm - Có bông chặn - Thiết kế cân đối đầu tip và phần thân. - Tiệt trùng với Ethylene Oxide (EtO) - Đóng gói tiệt trùng 25 cái/gói, 250 cái/hộp	Cái	1.000
11	Lọ đựng tinh trùng, tiệt trùng từng cái 150ml	Dùng để chứa tinh trùng, nước tiểu, mẫu bệnh phẩm.... Nhận dạng: Lọ có nhiều thể tích khác nhau từ 50 tới 150ml tùy vào mục đích sử dụng. Lọ được làm bằng nhựa tinh khiết, trung tính không phản ứng với hóa chất và bệnh phẩm bên trong Lọ được tiệt trùng từng cái nhằm đảm bảo điều kiện vô trùng tốt nhất	Cái	1.000
12	Catheter bơm IUI mềm	Dài 230mm ± 3mm, thể tích 0,08ml ± 0,01ml, tiệt trùng từng cái	Cây	500
13	Catheter bơm IUI cứng	Ống bơm tinh trùng tiêu chuẩn loại dài 17cm	Cây	500
14	SpermGrad (2x30ml)	Hệ đệm Bicarbonate và HEPES, không có kháng sinh. Bảo quản ở 2-8oC, tránh ánh sáng. Thành phần bao gồm dung dịch chứa hạt silica được bọc silane, có 3 nồng độ 45% , 90% và 100% (v/v). Đưa môi trường về nhiệt độ phòng trước khi sử dụng.	Hộp	25

STT	Tên VTYT - HC	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
15	SpermRinse (30ml)	Có đệm bicarbonate và HEPES, có HSA và gentamicin. Bảo quản ở 2-8oC, tránh ánh sáng. Cân bằng trong tủ cấy ở 37oC, 6% CO2 hoặc ở nhiệt độ phòng trước khi sử dụng.	Hộp	50
16	Vòng đeo tay bệnh nhân (Các cỡ)	Dây đeo tay định danh (vòng đeo tay)/ Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn/trẻ em - Mục đích sử dụng: Dùng ghi thông tin bệnh nhân, phân loại người lớn, trẻ em, phân loại bệnh theo màu. - Chất liệu: làm từ nhựa PVC; chống nước, chống ẩm ; chống nấm mốc. Có lớp nhựa trong suốt phủ bên ngoài giúp bảo vệ thông tin bệnh nhân lâu hơn.	Cái	20.000
17	Dầu mù u	Dầu mù u Chai 15 ml, dùng ngoài	Chai	1.500
Tổng cộng: 17 khoản				

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỒ SƠ

HỒ SƠ CHÀO GIÁ SẮP XẾP ĐÚNG THEO THỨ TỰ SAU

A. Hồ sơ Công ty

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc.
3. Giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP).
4. Chứng chỉ hành nghề (nếu có).

B. Hồ sơ sản phẩm

1. Bảng chào giá (theo mẫu)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm.
3. Kết quả đấu thầu còn hiệu lực của sản phẩm (Quyết định hoặc thông báo trúng thầu).
4. Hồ sơ sản phẩm.
5. Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm.

Đối với các sản phẩm không có kết quả trúng thầu thì phải có 03 hóa đơn cung cấp cho 03 cơ sở y tế trong 02 năm gần nhất (2024-2025).

144
Y
N
N
A
VH
D

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định)
Địa chỉ: Địa chỉ: 39A Phạm Ngọc Thạch, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Theo Thông báo số/TB-CTCPBVĐKBĐ ngày/...../2025 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi chào giá như sau:

S T T	Tên sản phẩm	Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bao chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Căn cứ chào giá			Ghi chú
												Tên CSYT, số và ngày QĐTT (trong vòng 12 tháng)	Số lượng đã trúng thầu	Đơn giá đã trúng thầu	

Yêu cầu chào giá:

- Chào giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày ký.
- Đơn giá: đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật quy định, chi phí vận chuyển, giao hàng ...
- Thời hạn thanh toán ngày.
- Sản phẩm nào không trúng thầu đề nghị Công ty điền vào phần **Ghi chú** “Sản phẩm không trúng thầu”

....., Ngày.....tháng.....năm 2025



CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định (Bệnh viện Bình Định)
Địa chỉ: 39A Phạm Ngọc Thạch, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
Theo Thông báo số/TB-CTCPBVĐKBĐ ngày/...../2025 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi chào giá như sau:

STT	Mã sản phẩm	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VND)	Căn cứ chào giá		
										Tên CSYT, số QĐTT (trong vòng 12 tháng)	Số lượng đã trúng thầu	Đơn giá đã trúng thầu

Yêu cầu chào giá:

- Chào giá này có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày ký.
- Đơn giá: đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật quy định, chi phí vận chuyển, giao hàng ...
- Thời hạn thanh toán ngày.
- Sản phẩm nào không trúng thầu đề nghị Công ty điền vào phần **Ghi chú** “Sản phẩm không trúng thầu”

....., Ngày.....tháng.....năm 2025